

Số: /GPMT-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản số 03/CV ngày 18/05/2025 của Hộ chăn nuôi Nguyễn Văn Trị về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Trang trại chăn nuôi lợn sinh sản và hồ sơ bổ sung ngày 10/6/2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 180/TTr-SNNMT ngày 16/6/2025 và Văn bản số 76/SNNMT-BVMT ngày 08/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Hộ chăn nuôi Nguyễn Văn Trị, địa chỉ tại xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Trang trại chăn nuôi lợn sinh sản, quy mô 1.250 con lợn nái và 1.000 con lợn thịt/đợt” tại xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Trang trại chăn nuôi lợn sinh sản, quy mô 1.250 con lợn nái và 1.000 con lợn thịt/đợt.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chăn nuôi lợn.

1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Tổng diện tích: 47.130,5 m².

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Công suất: 1.250 con lợn nái và 1.000 con lợn thịt/đợt.

- Quy trình công nghệ chăn nuôi:

+ Quy trình công nghệ chăn nuôi lợn nái: Nhập lợn giống → Chăm sóc, nuôi dưỡng → Phối giống → Chăm sóc, nuôi dưỡng lợn nái mang thai → Sinh sản → Lợn con → Chăm sóc, nuôi dưỡng → Chuyển sang chuồng nuôi lợn thịt/xuất bán lợn giống.

+ Quy trình công nghệ chăn nuôi lợn thịt: Lợn con sau cai sữa (từ 4 tuần tuổi) → Chăm sóc, nuôi dưỡng → Lợn thịt (trọng lượng trung bình 105 kg) → Xuất bán.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hộ chăn nuôi Nguyễn Văn Trị:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hộ chăn nuôi Nguyễn Văn Trị có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy

định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày cấp Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- TTCN và Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- UBND xã Ea Knốp;
- Hộ chăn nuôi Nguyễn Văn Trị;
- Lưu: VT, NNMT (Nh. 08b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

1.1. Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu nhà vệ sinh tại trang trại chăn nuôi.

1.2. Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình nấu ăn tại nhà bếp của trang trại chăn nuôi.

1.3. Nguồn số 03: Nước thải từ quá trình chăn nuôi.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Khe suối cạn nằm ở phía Đông của dự án thuộc địa phận xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3'): X = 500902; Y = 1426195.

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $70 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, tương đương $2,92 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.4. Phương thức xả nước thải: Bơm, tự chảy.

Nước thải sau hệ thống xử lý được thu gom theo đường ống PVC D90mm (dài khoảng 45 m) đến điểm xả nước thải vào khe suối cạn nằm ở phía Đông của dự án theo hình thức bơm, tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 62-MT:2016/BTNMT (cột B, $K_q=0,9$; $K_f=1,2$) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 62- MT:2016/BTNMT (cột B, $K_a=0,9$; $K_f=1,2$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 – 9	Không thuộc đổi tượng	Không thuộc đổi tượng
2	BOD ₅	mg/l	108		
3	COD	mg/l	324		
4	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	162		
5	Tổng Nitơ (theo N)	mg/l	162		
6	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000		

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2032, Hộ chăn nuôi Nguyễn Văn Trị có trách nhiệm áp dụng QCVN 62:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (theo quy định tại Thông tư số 04/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi).

Khuyến khích Hộ chăn nuôi Nguyễn Văn Trị thực hiện quan trắc định kỳ đối với các thông số ô nhiễm tại bảng trên để tự theo dõi, giám sát hệ thống xử lý nước thải của dự án.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải về hệ thống xử lý nước thải

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh (Nguồn số 01) được thu gom bằng đường ống dẫn PVC D114mm, D90mm về bể tự hoại 3 ngăn (03 bể) để xử lý sơ bộ → Hồ ga thu gom nước thải sinh hoạt → Hồ ga thu gom nước thải chăn nuôi → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để tiếp tục xử lý.

+ Nước thải sinh hoạt từ quá trình nấu ăn tại nhà bếp của trang trại (Nguồn số 02) được thu gom bằng đường ống dẫn PVC D60mm → Thiết bị tách dầu mỡ → Hồ ga thu gom nước thải sinh hoạt → Hồ ga thu gom nước thải chăn nuôi → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để tiếp tục xử lý.

- Nước thải chăn nuôi: Nước thải từ quá trình chăn nuôi (Nguồn số 03) được thu gom bằng hệ thống đường ống PVC D315mm, D168mm về hồ ga thu gom → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để tiếp tục xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Bể tự hoại 03 ngăn

- Số lượng: 03 bể; thể tích mỗi bể là 4m³.

- Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Hồ thu gom nước thải sinh hoạt → Hồ ga thu gom nước thải chăn nuôi → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để tiếp tục xử lý.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Thiết bị tách dầu mỡ

- Số lượng: 01 thiết bị (kích thước 800mm x 500mm x 400mm)

- Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà bếp → Thiết bị tách mỡ → Hồ thu gom nước thải sinh hoạt → Hồ ga thu gom nước thải chăn nuôi → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để tiếp tục xử lý.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung:

Nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án (nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ, nước thải chăn nuôi) → Bể gom → Máy ép phân → Bể gom sau ép phân → Hồ Biogas → Hồ lắng sau Biogas → Bể lắng sơ bộ → Bể thiếu khí 1 → Bể hiếu khí 1,2 → Bể thiếu khí 2 → Bể hiếu khí 3 → Bể lắng sinh học → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Hồ chứa nước thải sau xử lý → Khe suối cạn phía Đông dự án.

- Công suất thiết kế: 70 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: PAC, Polymer, Clorine, dinh dưỡng, men vi sinh (hoặc các hóa chất khác tương đương nhưng đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trang bị đầy đủ các máy móc thiết bị, vật tư dự phòng như máy bơm nước thải, máy bơm hóa chất, đường ống, bạt HDPE... để thay thế kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, sự cố đối với các hầm biogas.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh, đường ống thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn. Định kỳ hàng năm kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc, các công trình xử lý, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

- Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật, bố trí nhân sự theo dõi, giám sát việc vận hành hệ thống.

- Xây dựng hồ sự cố nằm trong khuôn viên dự án (dung tích 3.000 m³, lót bạt chống thấm HDPE). Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải được bơm về hồ sự cố; sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải trong hồ sự cố được bơm ngược trở về hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Lập sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải để theo dõi, cập nhật đầy đủ thông tin trong quá trình vận hành, các vấn đề sự cố phát sinh trong quá trình vận hành để ứng phó kịp thời với các sự cố có thể phát sinh.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 70m³/ngày.đêm) của dự án.

2.3. Vị trí lấy mẫu:

+ Vị trí lấy mẫu đầu vào: Nước thải đầu vào tại bể gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Vị trí lấy mẫu đầu ra: Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi xả ra khe suối cạnh phía Đông dự án.

2.4. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo quy định tại Phần A của Phụ lục này.

2.5. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, cụ thể như sau: Việc quan trắc chất thải do Chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải của dự án (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải (sinh hoạt, chăn nuôi) phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.6. Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào khe suối cạnh phía Đông của dự án.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của dự án.

3.6. Hộ chăn nuôi Nguyễn Văn Trị chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc xả thải ra môi trường khi chưa đáp ứng quy định về xả thải theo yêu cầu quy định tại Phần A của Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2025
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:**

- Nguồn số 01: Khu chuồng trại chăn nuôi lợn nái sinh sản;
- Nguồn số 02: Khu chuồng trại chăn nuôi lợn thịt;
- Nguồn số 03: Khu đặt máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn (Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

- Nguồn số 01: tọa độ đại diện X = 500732 ; Y = 1426093;
- Nguồn số 02: tọa độ đại diện X = 500747; Y = 1426223;
- Nguồn số 03: tọa độ đại diện X = 500821 ; Y = 1426156;

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	55	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Tuân thủ chặt chẽ và thực hiện đúng quy trình chăn nuôi đối với lợn nái, lợn thịt và lợn con.
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực trang trại nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất.
- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo máy móc, thiết bị luôn hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.
- Bố trí các máy móc, thiết bị tại các vị trí hợp lý, không để các máy móc gây tiếng ồn lớn ở gần nhau để tránh quá trình hoạt động cùng một lúc gây cộng hưởng tiếng ồn.

- Xây dựng tường rào bao quanh khu vực dự án, đảm bảo khoảng cách cách ly an toàn với các khu vực xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu nhằm bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục 3.1 Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị, đảm bảo các động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị khi xuống cấp có phát sinh tiếng ồn lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải phát sinh	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn): kim tiêm, ống chích,...	Rắn	13 02 01	25
2	Chất thải có chứa thành phần nguy hại (Thuốc sát trùng quá hạn thải; vỏ chai, hộp đựng thuốc thú y)	Rắn	13 02 02	30
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải.	Rắn	16 01 06	5
4	Pin thải, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	5
5	Bao bì mềm có chứa hoặc nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 01 01	15
6	Bao bì cứng thải có chứa hoặc nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 01 03	15
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	10
Tổng khối lượng				105

Ngoài ra, khi có dịch bệnh xảy ra, dự án sẽ có phát sinh lợn chết do dịch bệnh (Mã CTNH: 14 02 01); khối lượng chất thải nguy hại cần xử lý này tùy thuộc vào khối lượng lợn chết cần tiêu hủy.

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/ngày)
1	Phân lợn	6.284,8
2	Xác lợn chết không do dịch bệnh	240
3	Nhau thai	15
4	Bùn từ hồ biogas	246,68
5	Bùn từ hệ thống xử lý	152,24
Tổng khối lượng		6.938,72

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Chất thải không có khả năng tái chế (vỏ trái cây, thực phẩm thừa,...)	25
2	Chất thải vô cơ có khả năng tái chế (bìa carton, giấy, chai nhựa, lọ thủy tinh, kim loại,...)	2
Tổng khối lượng		27

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. *Thiết bị lưu chứa*: Bố trí các thùng nhựa HDPE có nắp đậy kín.

2.1.2. *Kho lưu chứa*:

- Diện tích: 15 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho có tường bao bằng gạch, có mái che bằng tôn, nền bê tông chống thấm, có gờ chống tràn chất thải lỏng ra bên ngoài kho, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

2.1.3. *Biện pháp xử lý*: Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. *Khu vực lưu chứa*:

- Khu ép phân, chứa phân và ủ phân

+ Diện tích: 300 m²;

- + Thiết kế: Nhà cấp 4, nền bê tông, tường gạch, mái lợp tôn.
- Nhà tiêu hủy nhau thai, lợn chết không do dịch bệnh:
 - + Diện tích: 312,32 m²;
 - + Thiết kế: Tường gạch, nền bê tông, mái lợp tôn, bên trong có bố trí các hộc tiêu hủy xác (thể tích 11,2 m³/hộc; có nắp đậy kín để tránh phát tán mùi hôi ra môi trường).

2.2.3. Biện pháp xử lý:

- Phân lợn sau ép phân và bùn từ hệ thống xử lý sau khi phơi khô: Tiến hành ủ hoai theo đúng quy định (có bổ sung chất độn và chế phẩm vi sinh) → đóng bao và chuyển giao cho đơn vị có nhu cầu.

- Nhau thai, lợn chết không do dịch bệnh: Thực hiện tiêu hủy theo quy định tại nhà tiêu hủy.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Rác sinh hoạt: Bố trí các thùng nhựa HDPE có nắp đậy.

2.3.2. Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt gần cổng ra vào của dự án, tại khu vực tập kết bố trí các thùng chứa (dung tích 120 lít, có nắp đậy kín) để lưu chứa tạm thời chất thải rắn sinh hoạt của dự án.

2.3.3. Biện pháp xử lý:

- Hợp đồng với đơn vị dịch vụ về vệ sinh môi trường tại địa phương để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

- Chất thải tái chế bán cho các tổ chức, cá nhân thu mua phế liệu trên địa bàn.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT; bố trí vị trí các công trình, thiết bị đảm bảo khoảng cách an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định.

Bố trí phương tiện, thiết bị, bao bì để phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định của chính quyền địa phương và chuyển giao toàn bộ chất thải phát sinh cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải (Xử lý xác lợn chết do dịch bệnh):

Báo cáo với chính quyền địa phương và cơ quan thú y để được hướng dẫn, xử lý theo quy định của pháp luật về thú y và thực hiện đầy đủ các biện pháp xử lý theo quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; QCVN 01-41:2011/BNNPTNT về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Bố trí hồ sự cố tại hệ thống xử lý nước thải trong khuôn viên dự án (dung tích 3.000 m³, lót bạt chống thấm HDPE) để phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 70 m³/ngày.đêm.

3. Bố trí khu vực dự phòng tiêu hủy lợn chết do dịch bệnh (Diện tích 300 m² tại khu vực cây xanh của trang trại).

5. Hộ chăn nuôi Nguyễn Văn Trị có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Áp dụng các biện pháp quản lý, các biện pháp kỹ thuật kiểm soát triệt để, không phát tán khí thải, mùi hôi, đảm bảo chất lượng môi trường không khí bên ngoài chuồng nuôi và xung quanh Dự án khu chăn nuôi lợn tập trung luôn nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất. Tăng cường hiệu quả trong việc sử dụng tài nguyên nước nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; thực hiện mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đền bù thiệt hại và khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố trong quá trình hoạt động sản xuất theo quy định của pháp luật.

6. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

7. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo cơ quan cấp phép để được hướng dẫn;

8. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.